

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS ĐỨC CHÍNH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Năm học 2021 -2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp7	Lớp8	Lớp9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	262	52	71	69	70
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	256 (85,9%)	47 (90,38%)	64 (90,14%)	57 (82,61%)	62 (88,57%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	39 (13,1%)	05 (9,62%)	07 (9,86%)	12 (17,39%)	8 (11,43%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	262	52	71	69	70
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	56 (21,37%)	10 (19,23%)	19 (26,76%)	16 (23,19%)	11 (15,71%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	96 (36,64%)	21 (40,38%)	26 (36,62%)	22 (31,88%)	27 (38,57%)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	97 (37,02%)	17 (32,69%)	22 (30,99%)	26 (37,68%)	32 (45,71%)
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	13 (4,96%)	4 (7,69%)	4 (5,63%)	5 (7,25%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	262	52	71	69	70
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	249 (95,04%)	48 (92,31%)	67 (94,37%)	64 (92,75%)	70 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	1	1	0	0	0
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	56 (21,37%)	10 (19,23%)	19 (26,76%)	16 (23,19%)	11 (15,71%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	96 (36,64%)	21 (40,38%)	26 (36,62%)	22 (31,88%)	27 (38,57%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	13 (4,96%)	4 (7,69%)	4 (5,63%)	5 (7,25%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2/2	0/2	1/0	1/0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	0	0	1	2
1	Cấp tỉnh	01	0	0	0	01
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	70	0	0	0	70
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	70	0	0	0	70
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14 (20,3%)	0	0	0	11 (15,71%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	30 (43,5%)	0	0	0	27 (38,57%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	25 (36,2%)	0	0	0	32 (45,71%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	139/123	26/26	34/37	41/28	38/32
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	02	02	0	0	0

Đức Chính, ngày 23 tháng 5 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị

Bùi Thị Thu Thủy